

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày: 10/7/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/- Bà Lê Thị Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 533/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam
Trụ sở: Đường TQK, Phường LTT, quận HK, Thành phố Hà Nội.
Chi nhánh: Đường PNT, Phường VTS, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông MNA, là Người đại diện theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 603/UQ-VCB-PC ngày 30/9/2021 và Giấy ủy quyền số 2113/TB-TĐN-ĐTH ngày 07/10/2023).

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà NTD, sinh năm 2001 **(Vắng mặt)**
Địa chỉ: Ấp B, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (gọi tắt là V) có ông MNA là Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/8/2022, Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh TĐ - PGD ĐT ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V và đã phát hành 01 thẻ

tín dụng Quốc tế JCB, loại thẻ cá nhân tín chấp cho bà NTD với hạn mức sử dụng là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Thẻ tín dụng trên được cho bà NTD sử dụng để chi tiêu, đã thanh toán một phần và sau đó không thanh toán sao kê nhiều kỳ cho Ngân hàng. Tổng số tiền đã nợ trong việc sử dụng trên tính đến hết ngày 01/02/2024 là 66.939.286 (Sáu mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc là: 39.960.350 (Ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, ba trăm năm mươi) đồng;

- Tiền nợ lãi quá hạn chưa trả: 17.899.250 (Mười bảy triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi) đồng;

- Tiền lãi trong hạn chưa trả: 9.079.686 (Chín triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm tám mươi sáu) đồng.

Vào ngày 15 hàng tháng, V sẽ gửi sao kê hàng tháng cho khách hàng theo địa chỉ đã cung cấp khi mở thẻ và khách hàng phải thanh toán cho V chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau. Từ lúc phát hành đến trước kỳ sao kê ngày 15/10/2022 thì bà NTD đã thanh toán đầy đủ cho V. Tuy nhiên, kể từ kỳ sao kê ngày 15/10/2022 bà NTD đã chậm thanh toán cho V, V cũng liên tục gửi thư nhắc nợ. Tuy nhiên cho đến nay bà NTD đã không thanh toán bất cứ khoản dư nợ nào cho V.

Tổng số tiền bà NTD đã nợ trong việc sử dụng thẻ tính đến hết ngày 01/02/2024 là 66.939.286 (Sáu mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi sáu) đồng.

Cách tính lãi, phí như sau:

- Số tiền lãi: số tiền gốc x số ngày x lãi suất được quy định trong từng thời kỳ.

- Số tiền lãi quá hạn, bao gồm:

- + Số tiền lãi chậm thanh toán: $3\% \times$ số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ trước chưa thanh toán, số tiền lãi chậm thanh toán tối thiểu hàng tháng là 50.000 đồng.

- + Số tiền lãi vượt hạn mức:

- o Từ ngày 1 – 5 ngày: số tiền vượt hạn mức x số ngày x 8%/năm

- o Từ ngày 6 – 15 ngày: số tiền vượt hạn mức x số ngày x 10%/năm

- o Từ ngày 16: số tiền vượt hạn mức x số ngày x 15%/năm

V đã nhiều lần gửi công văn, liên hệ bằng điện thoại nhưng bà NTD né tránh, không gặp mặt và không có thiện chí thanh toán. Việc chậm trễ thanh toán là bà NTD đã vi phạm các điều kiện và điều khoản cam kết tại Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng.

Do đó, V yêu cầu Tòa án buộc bà NTD thực hiện trả cho V toàn bộ số tiền nợ tính đến thời điểm xét xử (tạm tính đến ngày 01/02/2024) là 66.939.286

đồng. Việc trả tiền phải thực hiện một lần khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà NTD còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 01/02/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng ngày 29/8/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho V. Vì đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên V chỉ yêu cầu cá nhân bà NTD là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho V.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có ông MNA là Người đại diện theo ủy quyền: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà NTD: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn bà NTD không thực hiện đúng thỏa thuận tại giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng” và “Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V” đã được Ngân hàng **phê duyệt ngày 29/8/2022**. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam khởi kiện bị đơn **bà NTD** là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện bị đơn bà NTD phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ **tín dụng quốc tế V JCB** theo giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng” và “Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V” được V **phê duyệt ngày 29/8/2022**, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu Tòa án buộc **bà NTD** phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V **ngày 29/8/2022** và do tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh TĐ có địa chỉ hoạt động tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.3.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/7/2024, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có ông MNA là Người đại diện theo ủy

quyền xác định: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa buộc bà NTD phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V toàn bộ số tiền nợ tính đến thời điểm xét xử (tạm tính đến ngày 10/7/2024) là **83.031.731 (Tám mươi ba triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, bảy trăm ba mươi mốt)** đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 37.093.344 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 12.167.771 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.770.616 đồng. Việc trả tiền phải thực hiện một lần khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà NTD còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày **10/7/2024** theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng ngày **29/8/2022** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho V. Vì đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên V chỉ yêu cầu cá nhân bà NTD là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho V.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Nguyên đơn.

[1.3.2]. Bị đơn bà NTD đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[3]. Về yêu cầu của Nguyên đơn:

Căn cứ giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng” được V phê duyệt ngày **29/8/2022** thì giữa chủ thẻ chính là bà NTD và bên phát hành thẻ là V có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **V JCB** với hạn mức sử dụng là **40.000.000** đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là **3%/tháng**.

Theo Bảng sao kê thanh toán thẻ hàng tháng của bà NTD do V cung cấp thì sau khi được cấp thẻ tín dụng **29/8/2022** thì bà NTD đã kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng từ đó cho đến ngày 11/11/2022 và có thanh toán đều cho V đến 15/12/2022 thì ngưng thanh toán. Do bà NTD vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ kỳ sao kê ngày 15/10/2022 và chỉ thanh toán được 929 đồng trong tháng 12/2022 nên V đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày **01/01/2023**, ngày **05/01/2023 V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và khóa thẻ của bà NTD** (khoản 2 Tiểu mục 1.14 và khoản 1 Tiểu mục 1.15, Mục I, Phần B của Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến kỳ sao kê ngày 10/7/2024, bà NTD đã nợ V tổng số tiền **83.031.731 (Tám mươi ba triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, bảy trăm ba mươi mốt)** đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 37.093.344 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 12.167.771 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.770.616 đồng.

Thứ tự ưu tiên thanh toán nợ áp dụng theo khoản 1 Điều 4 của Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V: Ưu tiên thanh toán “phí thường niên, phí phạt (phí vượt hạn mức, phí không thanh toán đủ số tiền

thanh toán tối thiểu), phí chuyển đổi trả góp, lãi của giao dịch rút tiền mặt, lãi của các giao dịch chi tiêu, phí rút tiền mặt, phí dịch vụ, các giao dịch rút tiền mặt, khoản trả góp định kỳ, các giao dịch chi tiêu và theo thứ tự ngày các giao dịch này được cập nhật vào hệ thống của Ngân hàng...”

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”

Theo quy định tại “Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V” kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng:

+ Tại điểm d, g khoản 2 Tiểu mục 1.20 Mục I Phần B quy định về nghĩa vụ của Chủ thẻ như sau:

“d. Chịu trách nhiệm thanh toán đối với các giao dịch, phí, lãi dưới đây kể cả trong trường hợp Thẻ bị tạm khóa/chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ

g. Chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh riêng với Đơn vị chấp nhận thẻ về các vấn đề liên quan đến giao dịch thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng này.”

+ Tại điểm f, h, j khoản 1 Tiểu mục 1.21 Mục I Phần B quy định quyền và nghĩa vụ của V như sau:

“f. Được quyền yêu cầu Chủ thẻ cung cấp thông tin, các chứng từ liên quan đến các Giao dịch thẻ nhằm xác minh tính chính xác, hợp pháp của giao dịch này...

h. Được quyền trích (ghi Nợ) tài khoản thanh toán mở tại V của Chủ thẻ hoặc tài khoản thanh toán của cá nhân khác hoặc tài khoản thanh toán của tổ chức nếu được sự đồng ý bằng văn bản của chủ tài khoản đó để thanh toán sao kê trong trường hợp Chủ thẻ đăng ký phương thức Ngân hàng chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản.

j. Được quyền quy định thời hạn hiệu lực của Thẻ... Bằng việc kích hoạt Thẻ, Chủ thẻ xác nhận đồng ý với bản Điều khoản điều kiện này và sẽ chịu sự ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện đó...”

+ Tại khoản 5 và khoản 7 Tiểu mục 1.12 Mục I Phần B quy định các trường hợp từ chối thực hiện giao dịch thẻ như sau:

“1.12.5. Thẻ bị chấm dứt sử dụng theo quy định của V và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn chi tiết trong từng thời kỳ được đăng tải trên Trang thông tin điện tử chính thức của V.

1.12.7. Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ và đúng hạn dư nợ thẻ, các khoản lãi và/hoặc phí được niêm yết tại quầy giao dịch hoặc công bố công khai trên Trang thông tin điện tử chính thức của V.”

+ Tại khoản 1 Tiểu mục 1.15 Mục I Phần B quy định các trường hợp chấm dứt sử dụng thẻ như sau:

“Chủ thẻ vi phạm các quy định về việc phát hành và sử dụng Thẻ của V, hoặc vi phạm các quy định pháp luật, NHNN, TCTQT về các hành vi bị cấm và các quy định khác trong việc sử dụng Thẻ.”

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 (nay là Điều 5 Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phí dịch vụ thẻ thì đều quy định: Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi...

V đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ cho bà Di thông qua Thông báo nhắc nợ lần 1 ngày 28/4/2023, lần 2 ngày 30/5/2023, lần 3 ngày 26/6/2023 bằng nhiều phương thức như gửi tin nhắn qua điện thoại của bà NTD, gửi thông báo trên app của V đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà bà NTD đã cung cấp tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng trước khi V thực hiện việc khởi kiện bà NTD tại Tòa.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của V yêu cầu Tòa buộc bà NTD phải trả cho V số tiền là 83.031.731 (Tám mươi ba triệu, không trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi một) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó tiền nợ gốc là 37.093.344 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 12.167.771 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.770.616 đồng, là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

Ngoài ra, bà NTD còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 10/7/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng ngày 29/8/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho V. Vì là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên ghi nhận việc V chỉ yêu cầu cá nhân bà NTD là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho V là có cơ sở.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/20219/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N:

Buộc bà NTD phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 83.031.731 (*Tám mươi ba triệu, không trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi một*) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó tiền nợ gốc là 37.093.344 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 12.167.771 đồng; tiền lãi quá hạn là 33.770.616 đồng.

Kể từ ngày 10/7/2024, bà NTD còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo giấy Đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng được V phê duyệt ngày 29/8/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà NTD phải chịu **4.151.587** (*Bốn triệu, một trăm năm mươi một nghìn, năm trăm tám mươi bảy*) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền **1.406.766** (*Một triệu, bốn trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004567 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phương